|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/TT-BKHCN | | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn chi tiết việc xác định giá trị**

**sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ**

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Điều 13b của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết việc xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ**.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn chi tiết việc xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ quy định tại Điều 13b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, áp dụng cho các trường hợp quy định tại:

Khoản 4 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 5 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá (sau đây viết tắt là Nghị định số 119/2017/NĐ-CP).

Khoản 3, 4 Điều 17 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử (sau đây viết tắt là Nghị định số 126/2021/NĐ-CP); khoản 6 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP; khoản 7 Điều 20 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Lượng hàng hóa được kiểm tra là lượng hàng hóa nhập tại thời điểm nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu cộng với lượng hàng hóa cùng loại còn tồn tại thời điểm đó.

2. Hàng hóa vi phạm là hàng hóa có kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng, không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, tiêu chuẩn công bố hợp chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

3. Đơn vị tính lượng hàng hóa vi phạm (đơn vị tính: lít, m³, kg…) cho các loại hàng hóa hòa trộn đồng nhất (xăng, dầu, LPG…) và lượng (đơn vị tính: cái, bao, sản phẩm,…) cho hàng hóa đơn chiếc hoặc có bao gói (đồ chơi trẻ em, phân bón, khẩu trang y tế,…), sau đây gọi chung là đơn vị sản phẩm chỉ đơn vị tính lít, m³, cái, bao, kg, sp…của các loại hàng hóa được kiểm tra.

4. Tài liệu là sổ sách, sổ nhật ký, văn bản giấy tờ liên quan đến hàng hóa,… do tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp.

**Chương II**

**XÁC ĐỊNH LƯỢNG, GIÁ TRỊ**

**HÀNG HÓA VI PHẠM ĐÃ TIÊU THỤ**

**Điều 4. Xác định lượng hàng hóa tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu**

Lượng hàng hóa tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu là Lượng hàng hoá xác định được tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu (dotổ chức, cá nhân kinh doanh có chứng từ chứng minh lượng hàng hóa còn tồn nơi lưu trữ bán hàng tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu hoặc bằng phương pháp cân, đo, đong, đếm cụ thể thực tế tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu).

*Ví dụ:*

*Ngày 05/5/2021, thời điểm kiểm tra, lấy mẫu tổ chức, cá nhân kinh doanh có chứng từ chứng minh lượng hàng hóa còn tồn nơi lưu trữ bán hàng hoặc bằng phương pháp cân, đo, đong, đếm cụ thể thực tế tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu xác định được lượng hàng hóa còn tồn nơi lưu trữ bán hàng là 2.500 sản phẩm (sp).*

**Điều 5. Xác định tổng số lượng hàng hóa theo hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu**

1. Thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu là thời điểm được tính theo giờ trong ngày. Trường hợp hóa đơn, chứng từ, tài liệu không ghi thời gian theo giờ trong ngày thì thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu là thời điểm được tính theo ngày.

2. Tổng số lượng hàng hóa trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu (sau đây viết tắt là ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra) thuộc Lượng hàng hóa được kiểm tra có kết quả thử nghiệm vi phạm về chất lượng được tính như sau:

a) Trường hợp xác định được Lượng hàng hóa nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, tài liệu (sau đây viết tắt là Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra) và Lượng hàng hóa còn tồn tại thời điểm nhập Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra (sau đây viết tắt là Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | = | Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra | + | Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra |

*Ví dụ:*

*Ngày 01/5/2021, là ngày tổ chức, cá nhân kinh doanh nhập Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra xác định được là 2.500 sp.*

*Ngày 01/5/2021, khi tổ chức, cá nhân kinh doanh nhập 2.500 sp nêu trên đã xác định được Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra là 500 sp.*

*Theo Công thức trên ta có:*

*∑ Lượng hàng hoá trên cơ sở hoá đơn trước kiểm tra = 2.500 sp + 500 sp = 3.000 sp*

b) Trường hợp không thực hiện được theo quy định tại điểm a khoản này mà xác định được Lượng hàng hóa đã bán từ thời điểm nhập hàng hóa theo hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu đến thời điểm lấy mẫu kiểm tra (sau đây viết tắt là Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra, lấy mẫu) thì được tính theo công thức sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | = | Lượng hàng hoá tồn  tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu | + | Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra. |

*Ví dụ:*

*Ngày 01/5/2021, là ngày nhập hàng hóa tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu.*

*Ngày 05/5/2021, thời điểm kiểm tra, lấy mẫu xác định Lượng hàng hóa tồn là 2.500 sản phẩm (sp).*

*Trong thời gian từ ngày 01/05/2021 đến ngày 05/5/2021 xác định được Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra là 500 sp.*

*Theo Công thức trên ta có:*

*∑ Lượng hàng hoá trên cơ sở hoá đơn trước kiểm tra = 2.500 sp + 500 sp = 3.000 sp.*

c) Trường hợp không thực hiện được theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này và không xác định được Lượng hàng hoá thuộc một trong các trường hợp Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra, Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra, Lượng hàng hoá đã bán trước khi lấy mẫu kiểm tra thì được tính theo Lượng hàng hóa đã bán trung bình một ngày, cụ thể như sau :

c1) Trường hợp xác định được Lượng hàng hoá đã bán từ thời điểm kiểm tra, lấy mẫu của Lượng hàng hóa được kiểm tra đến thời điểm kiểm tra niêm phong, lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng (sau đây viết tắt là thời điểm kiểm tra, lấy mẫu đến thời điểm lập biên bản theo kết quả thử nghiệm) thì thực hiện tính như sau:

Bước 1 : xác định Lượng hàng hóa đã bán trung bình một trong khoảng thời gian từ thời điểm kiểm tra, lấy mẫu đến thời điểm lập biên bản theo kết quả thử nghiệm, được tính như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lượng hàng hóa đã bán trung bình một ngày | = | Lượng hàng hóa tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu | - | Lượng hàng hoá tồn thời điểm lập biên bản theo kết quả thử nghiệm | : | Tổng số ngày tính từ thời điểm kiểm tra, lấy mẫu đến thời điểm lập biên bản theo kết quả thử nghiệm |

*Ví dụ:*

*Ngày 05/5/2021, thời điểm kiểm tra, lấy mẫu xác định Lượng hàng hóa tồn là 2.500 sp.*

*Ngày 08/5/2021, cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng, xác định được lượng hàng hóa tồn là 2.000 sp.*

*Như vậy từ thời điểm kiểm tra, lấy mẫu (ngày 05/5/2021) đến thời điểm cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm (ngày 08/5/2021) là 04 ngày.*

*Theo Công thức trên ta có:*

*Lượng hàng hóa đã bán trung bình một ngày = (2.500 sp - 2.000 sp) : 4 = 125 sp.*

Bước 2 : xác định Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra, được tính như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra | = | Lượng hàng hóa đã bán trung bình một ngày | x | Tổng số ngày tính từ ngày nhập hàng hóa theo hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu đến thời điểm lấy mẫu kiểm tra đến ngày lấy mẫu kiểm tra |

*Ví dụ:*

*Ngày 01/5/2021, là ngày nhập hàng hóa tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu.*

*Ngày 05/5/2021 là thời điểm kiểm tra, lấy mẫu.*

*Như vậy từ thời điểm nhập hàng hóa lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu (ngày 01/5/2021) đến thời điểm kiểm tra, lấy mẫu (ngày 05/5/2021) là 05 ngày.*

*Theo Công thức trên ta có:*

*Lượng hàng hóa đã bán trước khi kiểm tra, lấy mẫu = 125 x 5 = 625 sp.*

Bước 3 : Theo như cách tính tại Bước 1 và Bước 2 nêu trên xác định được:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | = | Lượng hàng hoá tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu | + | Lượng hàng hoá bán trước kiểm tra |

*Ví dụ: ∑ Lượng hàng hoá* *theo hoá đơn trước kiểm tra = 2.500 sp + 625 sp = 3.125 sp.*

c2) Trường hợp không xác định được cả ba trường hợp sau: Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra; Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra; Lượng hàng hoá đã bán trước khi lấy mẫu kiểm tra và Lượng hàng hóa đã bán từ điểm kiểm tra, lấy mẫu đến thời điểm lập biên bản theo kết quả thử nghiệm thì ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra được xem như đã bán hết Lượng hàng hoá tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu cụ thể thực hiện như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ∑ Lượng hàng hoá theo hóa đơn trước kiểm tra, lấy mẫu | = | Lượng hàng hoá tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu |

**Điều 6. Xác định** **lượng hàng hóa còn tồn khi vi phạm**

Lượng hàng hóa còn tồn khi vi phạm được xác định như sau:

1. Trường hợp Lượng hàng hóa được kiểm tra không bị trộn lẫn hàng nhập mới kể từ thời điểm cơ quan kiểm tra, lấy mẫu của Lượng hàng hóa được kiểm tra này đến thời điểm được cơ quan kiểm tra niêm phong, lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng thì Lượng hàng hoá tồn khi vi phạm là lượng hàng hóa được xác định tại nơi lưu trữ Lượng hàng hóa được kiểm tra còn tồn tại thời điểm cơ quan kiểm tra niêm phong, lập biên bản theo kết quả thử nghiệm mẫu có vi phạm.

2. Trường hợp Lượng hàng hóa được kiểm tra bị trộn lẫn hàng nhập mới trong thời gian kể từ thời điểm cơ quan kiểm tra lấy mẫu của Lượng hàng hóa được kiểm tra này đến thời điểm được cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng thì Lượng hàng hoá tồn khi vi phạm coi như đã tiêu thụ hết, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh có chứng cứ chứng minh và xác định được lượng hàng hóa vi phạm thuộc Lượng hàng hóa được kiểm tra còn tồn tách biệt với hàng hóa nhập mới.

**Điều 7. Xác định lượng hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ**

Lượng hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ (sau đây viết tắt Hvptt) là tổng số Lượng hàng hoá đó trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu, trừ đi lượng hàng hóa còn tồn khi vi phạm. Các trường hợp xác định lượng Hvptt, cụ thể sau đây:

**1.** **Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này được tính như sau:**

a) Trường hợp xác định được ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, tài liệu, Hvptt được tính như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hvptt | = | ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | - | Lượng hàng hoá tồn khi vi phạm |

*Cách tính ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.*

b) Trường hợp không xác định được ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra, Hvptt được tính như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hvptt | = | Lượng hàng hoá còn tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu |

*Ví dụ:*

*Ngày 05/5/2021 là thời điểm kiểm tra, lấy mẫu thử nghiệm chất lượng hàng hóa của tổ chức, cá nhân kinh doanh, thời điểm này đã xác định lượng hàng hóa còn tồn lưu trữ nơi bán hàng là 2.500 sp.*

*Ngày 01/5/2021 là thời điểm gần nhất trước thời điểm kiểm tra, lấy mẫu, tổ chức, cá nhân kinh doanh không xác định được “lượng hàng hóa còn tồn tại thời điểm đó; lượng hàng hóa nhập mới và trong khoảng thời gian từ thời điểm kiểm tra, lấy mẫu (ngày 05/5/2021) đến thời điểm cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm (ngày 08/5/2021) tổ chức, cá nhân tạm dừng, không bán hàng (không xác định được Lượng hàng hóa đã bán từ điểm kiểm tra, lấy mẫu đến thời điểm lập biên bản theo kết quả thử nghiệm)”.*

*Theo Công thức trên ta có:*

*Hvptt = 2.500 sp.*

**2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này được tính như sau:**

a. Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh không có chứng cứ chứng minh, xác định được lượng hàng hóa vi phạm thuộc Lượng hàng hóa được kiểm tra còn tồn tách biệt với hàng nhập mới.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hvptt | = | ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra |

Cách tính ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra được tính như sau:

a1. Trường hợp xác định được Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra và Lượng hàng hóa còn tồn trước kiểm tra.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | = | Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra | + | Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra |

*Ví dụ: theo cách tính tại ví dụ của điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư này thì ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra xác định được là 3.000 sp.*

*Hvptt = 3.000 sp*

a2) Trường hợp không xác định được Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra hoặc Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra mà xác định được Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra thì được tính theo công thức sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | = | Lượng hàng hoá tồn  tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu | + | Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra. |

*Ví dụ: theo cách tính tại ví dụ của điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư này thì ∑ Lượng* hàng hoá *theo hoá đơn trước kiểm tra xác định được là 3.000 sp.*

*Hvptt = 3.000 sp*

a3. Trường hợp không xác định được Lượng hàng hoá nhập trước kiểm tra hoặc Lượng hàng hoá tồn trước kiểm tra và không xác định được Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra, thì thực hiện tính như sau.

Lượng hàng hóa bán được bình quân một ngày kể từ ngày lấy mẫu kiểm tra đến ngày có kết quả thử nghiệm mẫu vi phạm nhân với tổng số ngày kể từ ngày nhập hàng hóa trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, tài liệu tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra đến ngày lấy mẫu kiểm tra. Cụ thể như sau:

Bước 1:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lượng hàng hoá đã bán trong khoảng thời gian kể từ ngày kiểm tra, lấy mẫu đến ngày cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng | = | Lượng hàng hoá tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu | + | Lượng hàng hoá nhập mới trong thời gian kể từ ngày kiểm tra lấy mẫu đến ngày cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng | - | Lượng hàng hoá tồn tại thời điểm cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng |

*Ví dụ:*

*Ngày 05/5/2021, thời điểm kiểm tra, lấy mẫu của cá nhân, tổ chức kinh doanh. Thời điểm này xác định Lượng hàng hoá tồn lưu trữ tại nơi bán hàng là 2.500 sp.*

*Từ ngày 05/5/2021 đến ngày 08/5/2021 là thời điểm xác nhận Lượng hàng hoá còn tồn tại nơi lưu trữ sau khi có kết quả thử nghiệm mẫu không phù hợp, trong thời gian này tổ chức, cá nhân kinh doanh đã nhập Lượng hàng hoá mới đúng chủng loại hàng hóa được kiểm tra và Lượng hàng hoá* *mới này được trộn lẫn Lượng hàng hoá* *được kiểm tra, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, tài liệu xác định được Lượng hàng hoá* *nhập mới là 1.000 sp*

*Ngày 08/5/2021 là thời điểm xác nhận Lượng hàng hoá còn tồn tại nơi lưu trữ sau khi có kết quả thử nghiệm mẫu không phù hợp, tổ chức, cá nhân kinh doanh đã nhập Lượng hàng hoá* *mới đúng chủng loại hàng hóa được kiểm tra. Lượng hàng hoá* *mới này được trộn lẫn Lượng hàng hoá được kiểm tra và xác định được Lượng hàng hoá còn tồn tại thời điểm này là 3.000 sp.*

*Theo Công thức trên ta có:*

*Lượng hàng hoá* *đã bán trong khoảng thời gian kể từ ngày kiểm tra, lấy mẫu đến ngày cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng = (2.500 sp + 1.000 sp) – 3.000 = 500 sp.*

Bước 2:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lượng hàng hoá đã bán bình quân một ngày | = | Lượng hàng hoá đã bán trong khoảng thời gian kể từ ngày kiểm tra, lấy mẫu đến ngày cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng | : | Tổng số ngày kể từ ngày kiểm tra, lấy mẫu đến ngày cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng |

*Ví dụ:*

*Lượng hàng hoá đã bán trong khoảng thời gian kể từ ngày kiểm tra, lấy mẫu đến ngày cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm về chất lượng được tính theo quy định tại ví dụ của bước 1, điểm a2, khoản 2 Điều này = 500 sp.*

*Như vậy, trong khoảng thời gain từ thời điểm kiểm tra, lấy mẫu (ngày 05/5/2021) đến thời điểm cơ quan kiểm tra lập biên bản theo kết quả thử nghiệm có vi phạm (ngày 08/5/2021) là 04 ngày.*

*Theo Công thức trên ta có:*

Lượng hàng hóa đã bán trung bình một ngày = 500 sp : 4 = 125 sp.

Bước 3:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lượng hàng hoá đã bán trước khi kiểm tra | = | Lượng hàng hóa đã bán bình quân một ngày | x | Tổng số ngày kể từ ngày nhập hàng hóa tại thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra đến thời điểm kiểm tra, lấy mẫu |

*Ví dụ:*

*Lượng hàng hoá* *đã bán bình quân một ngày được tính theo quy định tại ví dụ của bước 2, điểm a2, khoản 2 Điều này = 125 sp.*

*Như vậy từ thời điểm lần nhập gần nhất trước thời điểm kiểm tra (ngày 01/5/2021) đến thời kiểm tra, lấy mẫu để thử nghiệm (ngày 05/5/2021) là 05 ngày.*

*Theo Công thức trên ta có:*

*Lượng hàng hoá đã bán trước khi kiểm tra = 125 x 5 = 625 sp.*

Bước 4:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | = | Lượng hàng hoá tồn tại thời điểm kiểm tra, lấy mẫu | + | Lượng hàng hoá đã bán trước kiểm tra. |

*Ví dụ:*

*Ngày 05/5/2021, thời điểm kiểm tra, lấy mẫu xác định Lượng hàng hóa tồn là 2.500 sản phẩm (sp).*

*Theo như cách tính tại ví dụ của các bước 1, bước 2 và bước, 3 xác định được Lượng hàng hoá đã bán trước khi kiểm tra là 625 sp.*

*Theo Công thức trên ta có:*

*∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra = 2.500 + 625 = 3.125 sp.*

*Hvptt = 3.125 sp*

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh có hóa đơn, chứng từ, tài liệu chứng cứ chứng minh và xác định được lượng hàng hóa vi phạm thuộc Lượng hàng hóa được kiểm tra còn tồn tách biệt với hàng nhập mới, Hvptt được tính theo như sau.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hvptt | = | ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra | - | Lượng hàng hoá tồn khi vi phạm |

*Ví dụ: Cách tính ∑ Lượng hàng hoá theo hoá đơn trước kiểm tra được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.*

**Điều 8. Giá trị hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ**

Giá trị hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ được tính bằng cách lấy đơn giá bán ra của hàng hóa gần nhất thời điểm phát hiện vi phạm *(là thời điểm xác nhận lượng hàng hóa còn tồn tại nơi lưu trữ sau khi có kết quả thử nghiệm mẫu)* nhân với lượng hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ Hvptt.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022

**Điều 10. Trách nhiệm thi hành**

1. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm tổ chức triển khai hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Tòa án nhân dân tối cao, - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Công báo VPCP; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp; - Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; - Website Bộ Khoa học và Công nghệ; - Lưu: VT, TĐC, TTra, PC. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG** |